


|  |   |   |
|--|---|---|
| ĐƠN VỊ THI CÔNG<br><b>CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG<br/>         HIỆN THỰC</b><br><br><b>HIEN THUC</b> | ĐƠN VỊ TVGS<br><b>CÔNG TY CP TVĐT PHÁT TRIỂN<br/>         XÂY DỰNG MIỀN NAM</b><br><br><b>MIEN NAM</b> | CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN<br><b>CTY CP-ĐT &amp; PHÁT TRIỂN THIÊN<br/>         QUÂN - MARINA PLAZA CẦN THƠ</b><br><br><b>THIENQUAN MARINA<br/>         PLAZA</b> |
|--|---|---|

Cần Thơ, ngày 04 tháng 02 năm 2026

BIÊN BẢN SỐ: 22T

**NGHIỆM THU HOÀN THÀNH BỘ PHẬN CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG,  
 GIAI ĐOẠN THI CÔNG XÂY DỰNG**

**Dự án:** CĂN HỘ CHUNG CƯ CAO CẤP THIÊN QUÂN - MARINA PLAZA  
**Hạng mục:** KẾT CẤU PHẦN THÂN  
**Địa điểm:** Số 01, đường Trần Bạch Đằng, phường Tân An, Tp. Cần Thơ

**1. Đối tượng nghiệm thu:**

Công tác nghiệm thu kết cấu phần thân lần 22

**2. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:**

**a) Chủ đầu tư: CTY CP-ĐT & PT THIÊN QUÂN - MARINA PLAZA CẦN THƠ**

Ông (bà): Nguyễn Hiếu Học Chức vụ: Tổng giám đốc

**b) Đơn vị TVGS: CTY CP TVĐT PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG MIỀN NAM**

Ông (bà): Nguyễn Văn Lợi Chức vụ: Tổng giám đốc

**c) Nhà thầu thi công: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HIỆN THỰC**

Ông (bà): Đặng Thái Bình Chức vụ: Giám Đốc

**3. Thời gian nghiệm thu:**

Bắt đầu: 7 giờ 30 phút, ngày 04 tháng 02 năm 2026

Kết thúc: 10 giờ 30 phút, ngày 04 tháng 02 năm 2026

Tại: Công trình xây dựng

**4. Đánh giá công việc đã thực hiện:**

**a) Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:**

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận.
- Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng hiện hành.
- Hợp đồng thi công xây dựng số: 05/2021/HĐTC/TQMP-HT  
 Phụ lục hợp đồng số: 05/2021/HĐTC/TQMP-HT - ngày: 10/05/2021
- Các biên bản nghiệm thu vật liệu, thiết bị, sản phẩm chế tạo sẵn trước khi sử dụng;
- Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng có liên quan:
- Kết quả thí nghiệm mẫu kiểm nghiệm của đối tượng nghiệm thu;
- Bản vẽ hoàn công đối tượng nghiệm thu;
- Nhật ký thi công của đơn vị thi công, nhật ký giám sát của chủ đầu tư;
- Các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;
- Biên bản nghiệm thu nội bộ của nhà thầu đối với đối tượng nghiệm thu.

**b) Về chất lượng XD bộ phận công trình (hay giai đoạn thi công XD):**

- Thi công đúng bản vẽ thiết kế được duyệt, đạt yêu cầu về kỹ thuật, mỹ thuật;
- Công tác thi công đúng quy trình, quy phạm hiện hành của Nhà nước ban hành.
- Công tác thi công đúng tiến độ được lập.
- Chủng loại vật tư thi công đúng theo điều kiện sách của công trình.

**c) Về khối lượng thực hiện:**

- Theo Bảng khối lượng nghiệm thu chi tiết giai đoạn số (nếu có) .....

| TT | TÊN CÔNG VIỆC   | ĐƠN VỊ         | KHỐI LƯỢNG |           |
|----|---|----------------|------------|-----------|
|    |   |                | HỢP ĐỒNG   | THỰC HIỆN |
|    | <i>Theo hợp đồng:</i>                                 |                |            |           |
|    | <b>TẦNG 22</b>  |                |            |           |
|    | <b>CỘT VÁCH TẦNG 22 LÊN TẦNG 23</b>                   |                |            |           |
| 1  | Công tác trắc đạc cho cột, vách tầng 22               | tầng           | 1.0        | 1.0       |
| 2  | Đục tạo nhám, vệ sinh vị trí chân cột và vách tầng 22 | m <sup>2</sup> | 36.9       | 36.9      |



|                                  |  |                |        |        |
|----------------------------------|--|----------------|--------|--------|
| 3                                | Cung cấp, lắp dựng cốt thép cột, vách tầng 22, ĐK ≤10mm  | tấn            | 9.3    | 9.3    |
| 4                                | Cung cấp, lắp dựng cốt thép cột, vách tầng 22, ĐK ≤18mm  | tấn            | 3.0    | 3.0    |
| 4                                | Cung cấp, lắp dựng cốt thép cột, vách tầng 22, ĐK > 18mm   | tấn            | 0.8    | 0.8    |
| 5                                | Quét lớp phụ gia liên kết giữa bê tông cũ và bê tông mới vị trí chân cột, vách (LB-LATEX TH hoặc tương đương) (bằng diện tích đục nhám chân cột, vách)   | m <sup>2</sup> | 39.9   | 39.9   |
| 6                                | LDTD ván khuôn cột, vách tầng 22   | m <sup>2</sup> | 1070.6 | 1070.6 |
| 7                                | Bê tông cột, vách tầng 22 đá 1x2, mác 400, Bê tông thương phẩm đổ bằng máy bơm, phụ gia R7, độ sụt 16±2  | m <sup>3</sup> | 141.4  | 141.4  |
| 8                                | Công tác bảo dưỡng bê tông cột tầng 22 sau khi đổ (bằng diện tích ván khuôn)   | m <sup>2</sup> | 1070.6 | 1070.6 |
| 9                                | Cung cấp lắp đặt lưới thép hàn A6 vách lan can tầng 22   | m <sup>2</sup> | 38.5   | 38.5   |
| 10                               | LDTD ván khuôn vách lan can tầng 22  | m <sup>2</sup> | 77.0   | 77.0   |
| 11                               | Bê tông vách lan can M250, trộn và đổ bằng thủ công. tầng 22   | m <sup>3</sup> | 3.9    | 3.9    |
| <b>TÀNG 23 - MÁI 1</b>           |  |                |        |        |
| <b>DẦM - SÀN TẦNG 23 (MÁI 1)</b> |  |                |        |        |
| 1                                | Công tác trắc đạc cho dầm, sàn tầng thượng (mái 1)   | tầng           | 1.0    | 1.0    |
| 2                                | LDTD ván khuôn dầm, sàn tầng thượng (mái 1)  | m <sup>2</sup> | 2181.9 | 2181.9 |
| 3                                | Đục tạo nhám, vệ sinh vị trí đầu cổ cột và vách  | m <sup>2</sup> | 39.9   | 39.9   |
| 4                                | Cung cấp, lắp dựng cốt thép dầm, sàn tầng thượng (mái 1), ĐK ≤10mm   | tấn            | 23.6   | 23.6   |
| 5                                | Cung cấp, lắp dựng cốt thép dầm, sàn tầng thượng (mái 1), ĐK ≤18mm   | tấn            | 0.5    | 0.5    |
| 6                                | Cung cấp, lắp dựng cốt thép dầm, sàn tầng thượng (mái 1), ĐK >18mm   | tấn            | 7.0    | 7.0    |
| 7                                | Cung cấp ống mạ kẽm KT20/60, dùng cho bó cáp 3 tao loại cáp 12,7mm, chiều dày tôn mạ kẽm 0,25mm - 0,3mm; L=6m  | m              | 1583.0 | 1583.0 |
| 8                                | Cung cấp ống mạ kẽm KT25/65, dùng cho bó cáp 3 tao loại cáp 12,7mm, chiều dày tôn mạ kẽm 0,25mm - 0,3mm; L=6m  | m              | 95.0   | 95.0   |
| 9                                | Cung cấp ống mạ kẽm KT20/70, dùng cho bó cáp 4 tao loại cáp 12,7mm, chiều dày tôn mạ kẽm 0,25mm - 0,3mm; L=6m  | m              | 22.0   | 22.0   |
| 10                               | Cung cấp ống mạ kẽm KT20/75, dùng cho bó cáp 4 tao loại cáp 12,7mm, chiều dày tôn mạ kẽm 0,25mm - 0,3mm; L=6m  | m              | 1.3    | 1.3    |
| 11                               | Cung cấp ống mạ kẽm KT20/75, dùng cho bó cáp 5 tao loại cáp 12,7mm, chiều dày tôn mạ kẽm 0,25mm - 0,3mm; L=6m  | m              | 1133.7 | 1133.7 |
| 12                               | Cung cấp ống mạ kẽm KT25/80, dùng cho bó cáp 5 tao loại cáp 12,7mm, chiều dày tôn mạ kẽm 0,25mm - 0,3mm; L=6m  | m              | 68.0   | 68.0   |
| 13                               | Cung cấp neo 3 lỗ dùng cho cáp 12,7mm. Mỗi bộ gồm : 01 bản neo, 01 bản đệm, và 03 nêm neo  | bộ             | 80.0   | 80.0   |
| 14                               | Cung cấp neo 4 lỗ dùng cho cáp 12,7mm. Mỗi bộ gồm : 01 bản neo, 01 bản đệm, và 04 nêm neo  | bộ             | 1.0    | 1.0    |
| 15                               | Cung cấp neo 5 lỗ dùng cho cáp 12,7mm. Mỗi bộ gồm : 01 bản neo, 01 bản đệm, và 05 nêm neo  | bộ             | 67.0   | 67.0   |
| 16                               | Vật tư chính cáp thép dự ứng lực không vỏ bọc 7 sợi, dùng cho bê tông ứng suất, tuân theo tiêu chuẩn ASTM A416 -   | tấn            | 8.6    | 8.6    |
| 17                               | Vật tư phụ sử dụng cho việc thi công cáp DUL : (Xi măng bơm vữa, Sika, băng keo, ống nối, đá cắt... không bao gồm thép gia cường đầu neo sống, đầu neo chết cáp, thép con kê, kẽm buộc cáp, vữa bịt đầu cáp) | tấn            | 8.6    | 8.6    |
| 18                               | Lắp đặt thi công cáp dự ứng lực  | tấn            | 8.6    | 8.6    |
| 19                               | Bơm vữa không co ngót vào cáp sau khi căng cáp dự ứng lực sàn tầng thượng (mái 1)  | tầng           | 1.0    | 1.0    |
| 20                               | Quét lớp phụ gia liên kết giữa bê tông cũ và bê tông mới vị trí đầu cột và vách (LB-LATEX TH hoặc tương đương) (bằng diện tích đục nhám)   | m <sup>2</sup> | 39.9   | 39.9   |
| 21                               | Bê tông dầm sàn tầng thượng (mái 1) đá 1x2, mác 400, vữa BT thương phẩm đổ bằng máy bơm, phụ gia đông kết nhanh R7   | m <sup>3</sup> | 320.9  | 320.9  |



|    |  |                |        |        |
|----|--|----------------|--------|--------|
| 22 | Trát bít đầu cáp sau khi căng tầng thượng (mái 1) vữa mác 75             | tầng           | 1.0    | 1.0    |
| 23 | Công tác bảo dưỡng bê tông dầm sàn sau khi đổ (bảng diện tích ván khuôn) | m <sup>2</sup> | 2181.9 | 2181.9 |
|    |  |                |        | -      |

d) Các ý kiến khác (nếu có):

5. Kết luận:

- Các bê thống nhất nghiệm thu và triển khai giai đoạn, bộ phận tiếp theo.
- Lý do không chấp nhận nghiệm thu (nếu có): .....
- Các sai sót còn tồn tại và các khiếm khuyết cần sửa chữa (nếu có) : .....
- Thời gian nhà thầu phải hoàn thành công tác sửa chữa: .....

Các thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:



Nguyễn Hiếu Học



Nguyễn Văn Lợi



Đặng Thái Bình

